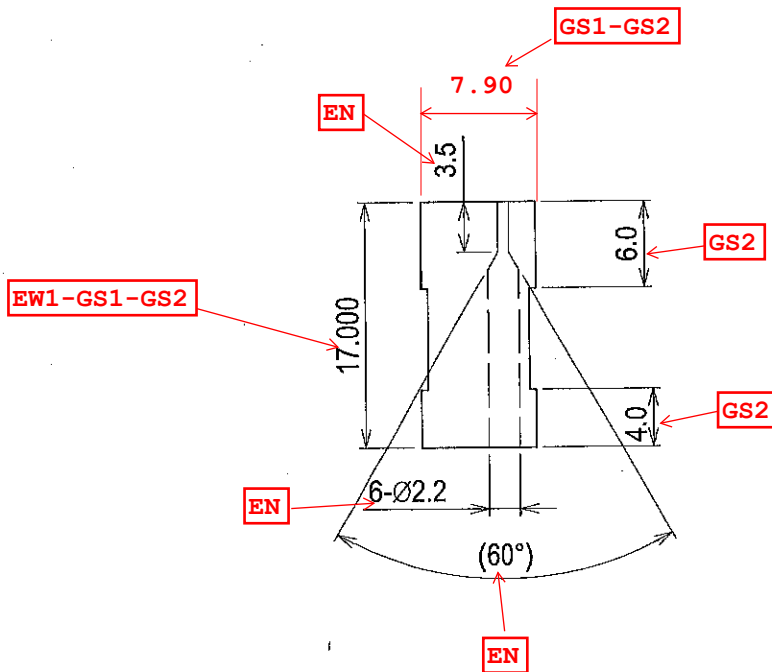
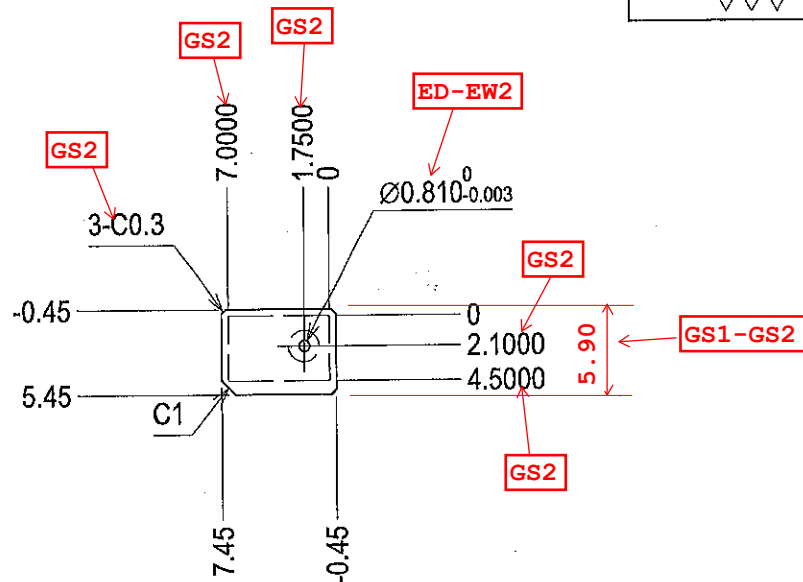


CUTTING TOLERANCE			
0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
		0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			
G		WE	
▽▽▽		(▽▽▽)	

EW1: ra phôi:  
T7\*8.5\*17.6  
GS1:  
-17.00=>lượt sáng  
-5.90=>5.96  
-7.90=>7.96



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Cai_Wei_Feng	WC(D30/HIP)		部品図	ボス出しダイ
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	BOSSING DIE
Li_Xin_Xin		1:1	PART DRAWING	凸柱加工下模
			PART DRAWING	凸柱加工下模
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Li_Xin_Xin	HRC ~	A4	2018/12/03	R312391

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **R312391**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>T7*10*19</b>	EW1:30 GS1:60 ED:20 EW2:60 GS2:120 EN:90 KT